TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 233/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 17-11-2022
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Công Vĩnh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tư.

2. Ông Trần Văn Lĩnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tiểu Thơ, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 17 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai, theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 574/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2022 về "Tranh chấp ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 218/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông T, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Ấp G, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Bà C, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Ấp A, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Ông T, bà C có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 01/7/2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông T trình bày: Ông với bà C chung sống vợ chồng năm 2000. Vợ chồng sống chung từ năm 2000 đến năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bà C có quan hệ tình cảm và có con với người đàn ông khác. Đến năm 2011, vợ chồng hàn gắn tình cảm và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang ngày 17/3/2012. Năm 2013, bà C trở về huyện C sinh sống nên vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Hiện tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục hôn nhân. Vì vậy, ông khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với bà C.

Về con chung: Có 01 người con chung tên D, sinh ngày 29/10/2000, bệnh và mất vào ngày 05/10/2021.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại tờ tự khai ngày 04/11/2022, bà C trình bày: Bà đồng ý ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của ông T.

Về con chung: Bà C không trình bày, chỉ nộp cho Tòa án bản sao trích lục khai tử của D, sinh ngày 29/10/2000.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Ông T, bà C có đơn xin vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông T và bà C theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông T, bà C chung sống vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang ngày 17/3/2012 nên quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà C là hợp pháp. Ông T xác định vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn như trên, làm cho tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục hôn nhân nên ông T yêu cầu xin ly hôn với bà C. Bà C có ý kiến đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông T nên theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tình tiết không phải chứng minh.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của ông T có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Ông T xác định có một người con chung tên D, sinh ngày 29/10/2000, bệnh và mất vào ngày 05/10/2021, bà C không trình bày ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Ông T, bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung, còn nợ chung xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Ông T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm, theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho ông T ly hôn với bà C.

2. Án phí: Ông T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Ông T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0016816 ngày 21/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Vậy ông T đã thi hành xong án phí.

3. Ông T, bà C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Công Vĩnh Đức